

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh và ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Y - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 249/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 12/6/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim T năm: 1984 (có mặt).

-Bị đơn: Ông Phạm Văn H năm: 1980 (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Khu phố D, phường K, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị Kim T1 trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H1 chung sống với nhau có cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P năm 2009. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với ba mẹ vợ tại khu phố H, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Đến năm 2014 thì vợ chồng chuyển về khu phố D, phường K, thành phố P - T.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, do tính tình không hợp. Hiện nay vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay bà đã không còn tình cảm nữa nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông H3

Về con chung: Bà và ông H2 02 con chung tên Phạm Thái Đ ngày 04/4/2011; Phạm Thanh T1 sinh ngày 24/01/2017. Ly hôn bà xin nuôi 02 con và

yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000đồng.

Hiện nay bà đang làm nghề may, thu nhập mỗi tháng 7.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025, ông Phạm Văn H1 trình bày:

Ông và bà Trương Thị Kim T1 là vợ chồng chung sống có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T năm 2009.

Nay bà T2 không còn tình cảm nữa nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 02 người con là Phạm Thái Đ ngày 04/4/2011; Phạm Thanh T1 sinh ngày 24/01/2017. Ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T3 dưỡng và ông cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000đồng cho 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay ông đang đi làm xa, không thể sắp xếp thời gian để có mặt theo Giấy mời của Tòa án được. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trương Thị Kim T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn ông Phạm Văn H3 Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường K, thành phố P - T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Văn H1 đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà Trương Thị Kim T1 và ông Phạm Văn Hòa K H1 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 12/5/2009, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Kim T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Theo lời bà Trương Thị Kim T1 trình bày: bà và ông Phạm Văn H1 quá trình chung sống có mâu thuẫn do tính tình không hợp. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Quá trình Tòa án giải quyết ông H2 trình bày là “ông đồng ý ly hôn bà T”.

Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T4

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thái Đ ngày 04/4/2011; Phạm Thanh T1 sinh ngày 24/01/2017. Bà T có yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các con chung từ trước đến nay đều sống với bà T4 Bà T có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, có khả năng để nuôi con; các cháu có nguyện vọng được sống với bà T và ông Hòa đồng Ý các con chung cho bà T3 dưỡng, ông H4 dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000đồng nên Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Phạm Thái Đ Phạm T5 T1 cho bà Trương Thị Kim T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn H1 có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000đồng.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P - T là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trương Thị Kim T1 được ly hôn với ông Phạm Văn H3

2. Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Kim T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Thái Đ ngày 04/4/2011; Phạm Thanh T1 sinh ngày 24/01/2017. Ông Phạm Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 6.000.000đồng (sáu triệu đồng), tức 3.000.000đồng/tháng/trẻ.

Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Kim T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001237 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận Bà Trương Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Văn H5 chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND P. Phước Mỹ (nay là UBND P. Bảo An, tỉnh Khánh Hoà);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Vân